

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS-ST.

Ngày: 06.7.2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông P. L. L.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Đ. H. L.

2. N. T. T. V.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2022/TLST-HS, ngày 06 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **T. V. C**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 01/01/1975, tại: huyện A, tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Con ông: T. Đ (chết) và bà: B. T. X, SN: 1958; Vợ: L. T. H, SN: 1982; Con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt giam, giữ từ ngày 09.4.2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện A cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

*** Người bị hại:** Anh P.M.V – Sinh năm: 1995. (*Có mặt*).

Địa chỉ: Công an xã K, huyện A, tỉnh B.

*** Người làm chứng:**

1. Anh T.V.T – Sinh năm: 1993. (*Có mặt*).

2. Anh N. C. S – Sinh năm: 1985. (*Có mặt*).
 3. Anh N. T. H – Sinh năm: 1994. (*Vắng mặt*).
 4. Anh T. V. H – Sinh năm: 1981. (*Có mặt*).
 5. Chị Đ. T. A. H – Sinh năm: 1978. (*Có mặt*).
 6. Anh N. C. C – Sinh năm: 1986. (*Vắng mặt*).
- Đồng trú tại: Thôn A, xã K, huyện A, tỉnh B.
7. Anh Đ. X. M – Sinh năm: 1995. (*Vắng mặt*).
 8. Anh T. N. C – Sinh năm: 1997. (*Vắng mặt*).
- Đồng trú tại: Thôn H, xã T, huyện A, tỉnh B.
9. Anh Đ. V. T – Sinh năm: 1984. (*Vắng mặt*).
- Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11h ngày 08/4/2022, T. V. C sau khi cùng với T. V. T (em ruột T.V.C), N. T. H, N. C. S và Đ. V. T tổ chức nhậu tại nhà N.C.S ở thôn A, xã K, huyện A, tỉnh B. Đến khoảng 12h cùng ngày thì cả nhóm rủ nhau đến quán Karaoke Hồng Nhi của chị Đ.T.A.H ở cùng thôn để hát karaoke. Đến khoảng 14h30' cùng ngày, cả nhóm gọi tính tiền thì chị Đ.T.A.H tính tổng số tiền là 1.550.000^d nhưng cả nhóm chỉ góp được 600.000^d và nói nợ lại 950.000^d. Tuy nhiên chị Đ.T.A.H không đồng ý nên đóng cổng lại không cho về, yêu cầu nhóm để lại 01 xe mô tô, khi nào đem tiền đến trả thì lấy xe về nhưng hai bên không thống nhất nên dẫn đến cãi nhau gây mất an ninh trật tự, chị Đ.T.A.H nhờ người điện báo Công an xã K đến giải quyết. Nhận tin báo, đến khoảng 15h cùng ngày, đồng chí N.T.T – Phó Công an xã K phân công Thiếu úy P.M.V – Công an viên chính quy xã K và đồng chí N.C.C – Công an viên thôn A, xã K, huyện A đến quán Karaoke Hồng Nhi để giải quyết vụ việc. Khi đi đồng chí P.M.V và N.N.N đều mặc trang phục theo đúng quy định. Lúc này tại quán Karaoke Hồng Nhi, T.V.C và T.T.T trong tình trạng say đang cãi nhau, giằng co 01 xe mô tô với chị Đ.T.A.H. Đồng chí P.M.V nắm tình hình, làm việc và nói với nhóm T.V.C “các anh hát karaoke thì phải trả tiền cho người ta, không thì phải thỏa thuận với chủ quán, không được làm mất an ninh trật tự tại địa phương”, nhưng T.V.C và T.V.T không nghe. T.V.C dùng nhiều lời lẽ thô tục, chửi và xúc phạm Công an xã. Sau đó, T.V.T đến dắt xe mô tô của T.V.T nổ máy định chạy thì bị chị Đ.T.A.H ra giữ lại, T.V.T dùng tay xô đẩy bà Đ.T.A.H. Thấy vậy, đồng chí P.M.V đến can ngăn, yêu cầu T.V.T về xã làm việc nhưng T.V.T không chấp hành mà dùng tay xô đẩy

đồng chí P.M.V, đồng chí P.M.V nhắc nhở nhưng T.V.T vẫn tiếp tục xô đẩy, do đó đồng chí P.M.V không chế đưa T.V.T về Công an xã làm việc. Thấy vậy, T.V.C lao vào ôm đồng chí P.M.V từ phía sau, vật đồng chí P.M.V ngã xuống đất, đồng chí P.M.V không chế T.V.C và vùng dậy thì T.V.C dùng hai tay nắm kéo áo đồng chí P.M.V, giật mạnh làm đứt 04 cúc áo, băng tên, ve bên phải, dây chuyền rơi xuống đất, T.V.C tiếp tục dùng tay cào vào người đồng chí P.M.V làm trầy xước ngực và cổ. Sau đó, đồng chí N.T.T cùng dân quân xã đến đưa các đối tượng về trụ sở Công an xã K làm việc.

Hậu quả vụ án: Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 102/2022/PY-TgT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh B, đối với P.M.V, kết luận: Chấn thương gây xây xát da vùng cổ trái đã điều trị, hiện cổ trái để diện rối loạn sắc tố da kích thước (2x0,8)cm; chấn thương gây xây xát da vùng ngực trái, hiện ngực trái để sẹo kích thước (1x0,3)cm. Căn cứ Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02% (hai phần trăm).

Về vật chứng vụ án bao gồm: 01 áo quân phục xuân hè Cảnh sát nhân dân, băng tên, ve áo, 04 cúc áo hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B.

Về dân sự: Gia đình bị cáo T.V.C sau khi vụ án xảy ra đã bồi thường cho người bị hại anh P.M.V số tiền 5.000.000^d và người bị hại có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.V.C.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSPC, ngày 06/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo T.V.C về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T.V.C về tội: “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 330, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo T.V.C với mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 09.4.2022. Đề nghị giải quyết trả lại tài sản gồm 01 áo quân phục xanh hè, băng tên, ve áo, 04 cúc áo cho người bị hại đồng chí P.M.V.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo T.V.C đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Sau khi tổ chức hát karaoke ở quán Hồng Nhi, T.V.C cùng nhóm bạn của mình không đủ tiền trả cho quán nên hai bên đã xảy ra to tiếng, xô xát, đồng chí P.M.V là Công an xã K được lãnh đạo Công an xã phân công cùng Công an viên thôn A đi làm nhiệm vụ giải quyết vụ việc theo báo cáo của công dân đến để giải quyết việc gây rối, làm mất an ninh trật tự của nhóm T.V.C tại quán Karaoke Hồng Nhi nhưng T.V.C không chấp hành mà còn dùng những lời lẽ thô tục chửi, xúc phạm, rồi dùng tay ôm vật ngã đồng chí P.M.V xuống đất, giật mạnh làm đứt cúc áo, ve áo bên phải, roi bằng tên và gây ra thương tích 2% cho đồng chí P.M.V để cản trở đồng chí P.M.V thực hiện công vụ, vào khoảng 15h30 ngày 08.4.2022 tại thôn A, xã K, huyện A, tỉnh B.

Hành vi của T.V.C là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến hoạt động của Nhà nước về quản lý hành chính một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo T.V.C về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản

1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo T.V.C phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo T.V.C phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T.V.C thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội và tỏ ý ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại anh P.M.V. Đồng thời người bị hại cũng đã có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và tại phiên tòa người bị hại cũng giữ nguyên quan điểm nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt.

Đối với T.V.T, có hành vi xô đẩy đồng chí P.M.V nhưng mục đích của T.V.T là để can ngăn hai bên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A xử lý hành chính đối với T.V.T là có căn cứ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh P.M.V sau khi được bồi thường 5.000.000^d đã có đơn xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T.V.C nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Bao gồm 01 áo quân phục xuân hè Cảnh sát nhân dân, băng tên, ve áo, 04 cúc áo hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B. Xét thấy đây là trang phục Nhà nước cấp cho anh P.M.V nên trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu là người bị hại anh P.M.V.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo T.V.C phạm tội: “*Chống người thi hành công vụ*”.
2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 330, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T.V.C **06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: 09.4.2022.
3. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:
 - 3.1. Trách nhiệm dân sự: Không.
 - 3.2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho người bị hại anh P.M.V 01 áo quân phục xuân hè Cảnh sát nhân dân, bảng tên, ve áo, 04 cúc áo hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B.
4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo T.V.C phải chịu 200.000^d (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.
5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L